

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Văn H, sinh năm 1990,

ĐKHKT: khu 4, xã Q, Huyện T, tỉnh P.

Hiện nay đang ở Cộng hòa liên bang Đức.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991,

ĐKHKT: thôn Cầu, xã M, Huyện U, thành phố T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn K, sinh năm 1966;

- Bà Mè Thị M, sinh năm 1968;

ĐKHKT: khu 4, xã Q, Huyện T, tỉnh P.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 20/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã Q), Huyện T. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay giữa hai vợ chồng thường anh chị xuyên náy sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 22/9/2013. Khi ly hôn, anh H và chị L thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Gia B cho anh H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh H đang ở nước ngoài nên anh chị thống nhất thỏa thuận tạm giao cháu B cho ông Lê Văn K và bà Mè Thị M (bố mẹ đẻ anh H) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh H trở về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K và bà Mè Thị M trình bày: ông bà là mẹ đẻ của anh H. Về việc anh H và chị L ly hôn ông bà H toàn nhất trí và tôn trọng nguyện vọng của anh chị. Ông bà đồng ý sẽ thay mặt anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B cho đến khi anh H về nước, ông bà cũng cam kết sẽ tạo mọi điều kiện để cháu B được chăm sóc tốt nhất. Ông bà không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với anh H và chị L trong thời gian ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh H và chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Nguyễn Thị L tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Anh H, chị L đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt anh chị. Ông K, bà M đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L; Về con chung: giao cháu Lê Gia B cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh H và chị L tự thỏa thuận.

Tạm giao cháu Lê Gia B cho ông Lê Văn K và bà Mè Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Htrở về Việt Nam; Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét; Về lệ phí giải quyết việc dân sự: ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ của chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Tòa án nhân dân tỉnh P nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc anh H và chị L thuận tình ly hôn là H toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong hồ sơ thể hiện Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 29/12/2023 do anh Lê Văn H gửi từ nước ngoài về Việt Nam đã có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 22/9/2013. Khi ly hôn, anh H và chị L thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Gia B cho anh H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh H đang ở nước ngoài nên anh chị thống nhất thỏa thuận tạm giao cháu B cho ông Lê Văn K và bà Mè Thị M (bố mẹ đẻ anh Hoàn) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Htrở về Việt Nam. Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu B có mong muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, thỏa thuận của anh Hoàn, chị L, ông K, bà M phù hợp với nguyện vọng của cháu B và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H và chị L tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh H và chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị L.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và

Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L. Giao cháu Lê Gia B, sinh ngày 22/9/2013 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Tạm giao cháu B cho cho ông Lê Văn K và bà Mè Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh H trở về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H và chị L tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị L xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Công nhận chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000107 ngày 16/01/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Ngọc Tuấn